

# ĐỒNG BỘ TRONG XỬ LÝ KỶ LUẬT ĐẢNG VIÊN VÀ XỬ LÝ KỶ LUẬT CÁN BỘ, CÔNG CHỨC: NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA

*Nguyễn Mạnh Hùng\**  
*Vũ Thị Ngọc Dung\**

**Tóm tắt:** Trong điều kiện chính trị cụ thể của Việt Nam chỉ có duy nhất một chính đảng cầm quyền là Đảng Cộng sản Việt Nam, đa phần cán bộ, công chức lại là đảng viên thì mối quan hệ giữa kỷ luật Đảng với kỷ luật hành chính cần được xem xét một cách thấu đáo và đảm bảo sự tương thích giữa các quy định về xử lý kỷ luật đảng viên vi phạm với xử lý kỷ luật cán bộ, công chức. Trong phạm vi bài viết này, các tác giả sẽ phân tích sự tương thích, đồng bộ giữa các quy định về nguyên tắc, thời hiệu xử lý kỷ luật đối với đảng viên vi phạm và xử lý kỷ luật đối với cán bộ, công chức đồng thời nêu ra một số điểm bất cập và kiến nghị đối với vấn đề này.

**Từ khóa:** Xử lý kỷ luật, cán bộ, công chức, đảng viên.

**Abstract:** In the specific political conditions of Vietnam, where there is only one ruling party, the Communist Party of Vietnam, and most cadres and civil servants are party members, the relationship between party discipline and administrative discipline requires careful examination to ensure compatibility between regulations on disciplining Party members and regulations on disciplining cadres and civil servants. Within the scope of this article, the authors will analyze the extent of compatibility and synchronisation between the regulations on principles and statutes of limitations applicable to disciplinary measures against Party members and those applicable to cadres and civil servants, and at the same time identify certain shortcomings and propose recommendations for improvement.

**Keywords:** Disciplinary measures; cadres; civil servants; Party members.

## 1. Sự cần thiết phải đảm bảo sự tương thích, đồng bộ trong xử lý kỷ luật đảng viên vi phạm và xử lý kỷ luật cán bộ, công chức

Đội ngũ cán bộ, công chức có vai trò quan trọng, quyết định hiệu quả của hoạt động quản lý nhà nước. Chính vì vậy, khi sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh rất quan tâm đến việc xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng

viên sao cho họ thực sự là “công bộc” của Nhân dân. Người đánh giá cao vai trò của đội ngũ cán bộ, công chức trong sự nghiệp cách mạng và chỉ rõ cán bộ, công chức phải là những người vừa có tài, vừa có đức, tận tụy với công việc và Nhân dân bởi “cán bộ là cái gốc của mọi công việc”, “công việc thành công hoặc thất bại đều do cán bộ tốt hay kém”.

Thực tiễn những năm qua cho thấy, việc xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức đạt được nhiều kết quả quan trọng như: (i) Đội ngũ cán bộ, công chức của chúng ta hiện nay ngày càng được nâng cao về số lượng

---

\* TS., Khoa Luật Hành chính – Nhà nước, Trường Đại học Luật Tp. Hồ Chí Minh.  
ThS., Khoa Luật Hành chính – Nhà nước, Trường Đại học Luật Tp. Hồ Chí Minh.

và chất lượng; (ii) Năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu, phương thức lãnh đạo của Đảng từng bước được nâng lên; (iii) Đa số cán bộ, công chức đều kiên định mục tiêu, lý tưởng của Đảng, hết lòng hết sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân. Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn có một bộ phận cán bộ, công chức suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống; thậm chí là làm trái Cương lĩnh, Điều lệ Đảng, thiếu tinh thần trách nhiệm khi giải quyết công vụ, tham nhũng, nhận hối lộ và thực hiện những hành vi vi phạm pháp luật khác làm ảnh hưởng tới hiệu quả quản lý nhà nước, làm mất niềm tin của Nhân dân. Chính vì vậy, bên cạnh các loại trách nhiệm pháp lý khác như trách nhiệm hình sự, trách nhiệm dân sự, trách nhiệm hành chính thì trách nhiệm kỷ luật cũng được đặt ra đối với cán bộ, công chức.

Trách nhiệm kỷ luật của cán bộ, công chức là các hậu quả pháp lý bất lợi (thể hiện bằng các hình thức kỷ luật) mà cán bộ, công chức phải gánh chịu nếu có lỗi khi thực hiện hành vi vi phạm kỷ luật<sup>1</sup>. Việc xử lý kỷ luật đối với cán bộ, công chức được thực hiện dựa trên các văn bản sau: Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2019) (sau đây gọi tắt là Luật Cán bộ, công chức); Nghị định số 112/2020/NĐ-CP ngày 18/9/2020 của Chính phủ quy định về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 71/2023/NĐ-CP ngày 20/9/2023 của Chính phủ (sau đây gọi tắt là Nghị định 112 sửa đổi). Trách nhiệm kỷ luật là dạng trách nhiệm pháp lý được thực hiện trong quan hệ nội bộ của các cơ quan, tổ chức<sup>2</sup> và có quan hệ chặt chẽ

với các quy định về kỷ luật đối với đảng viên vi phạm.

Trong khi đó, kỷ luật đảng là hình thức trách nhiệm chính trị nội bộ được áp dụng đối với các đảng viên trong tổ chức Đảng khi họ có hành vi vi phạm đến mức phải thi hành kỷ luật<sup>3</sup>. Hiện nay, việc xử lý kỷ luật đối với đảng viên vi phạm được thực hiện dựa trên các văn bản sau: Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng thông qua ngày 19/01/2011; Quy định số 232-QĐ/TW ngày 20/01/2025 của Ban Chấp hành Trung ương về thi hành Điều lệ Đảng; Quy định số 69-QĐ/TW ngày 06/7/2022 của Bộ Chính trị quy định về kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên vi phạm (Quy định 69); Quy định số 264-QĐ/TW ngày 14/02/2025 của Bộ Chính trị về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định 69; Quy định số 296-QĐ/TW ngày 30/5/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng (Quy định 296-QĐ/TW); Thông báo số 20-TB/TW của Ban Chấp hành Trung ương ban hành ngày 08/9/2022 về kết luận của Bộ Chính trị về chủ trương bố trí công tác đối với cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý sau khi bị kỷ luật; Quyết định số 165-QĐ/TW ngày 06/6/2024 của Bộ Chính trị ban hành quy trình xem xét, thi hành kỷ luật đối với tổ chức Đảng, Đảng viên thuộc thẩm quyền Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư; Hướng dẫn số 05-HD/UBKTTW ngày 22/11/2022 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương về thực hiện một số điều trong Quy định 69 (Hướng dẫn số 05);

<sup>1</sup> Nguyễn Cảnh Hợp, *Giáo trình Luật Hành chính Việt Nam (tái bản lần thứ 1, có sửa đổi và bổ sung)*, Nxb. Hồng Đức, 2023, tr.201.

<sup>2</sup> Nguyễn Cửu Việt, *Giáo trình Luật Hành chính Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, 2013, tr. 549.

<sup>3</sup> Khoản 1 Điều 6 Quy định số 102-QĐ/TW về xử lý kỷ luật Đảng viên vi phạm của Bộ Chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam ngày 15/11/2017.

Hướng dẫn số 15-HD/UBKTTW ngày 20/3/2025 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương về sửa đổi, bổ sung Hướng dẫn số 05-HD/UBKTTW ngày 22/11/2022 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương về thực hiện một số điều trong Quy định 69; Hướng dẫn số 08 – HD/TW ngày 10/6/2025 của Ban Bí thư thực hiện một số nội dung Quy định số 296-QĐ/TW ngày 30/5/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng.

Việc đảm bảo tính thống nhất trong xử lý kỷ luật đảng viên vi phạm với xử lý kỷ luật cán bộ, công chức xuất phát từ những yêu cầu sau:

*Thứ nhất, đảm bảo phù hợp với nguyên tắc Đảng lãnh đạo Nhà nước và xã hội*

Đảng lãnh đạo Nhà nước và xã hội là nguyên tắc chính trị - xã hội được ghi nhận tại Điều 4 Hiến pháp năm 2013. Sự lãnh đạo của Đảng thể hiện ở nhiều phương diện, cụ thể: (i) Đảng đề ra đường lối, chủ trương, chính sách về tổ chức bộ máy hành chính và hoạt động quản lý nhà nước trong các lĩnh vực; (ii) Đảng lãnh đạo bằng công tác tổ chức, cán bộ, thông qua việc đề ra các chính sách cán bộ, quy hoạch, bồi dưỡng, đào tạo và giới thiệu để bầu hoặc bổ nhiệm cán bộ, đảng viên vào các chức vụ trong cơ quan hành chính nhà nước; (iii) Đảng kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của các cơ quan quản lý Nhà nước; (iv) Sự gương mẫu của đảng viên và tổ chức đảng trong các cơ quan hành chính Nhà nước. Những đường lối, chính sách của Đảng là cơ sở quan trọng để các chủ thể có thẩm quyền kịp thời thể chế hóa thành các quy phạm pháp luật trong các văn bản quy phạm pháp luật. Vì vậy, các văn bản quy phạm pháp luật quy định liên quan đến trách nhiệm kỷ luật của cán bộ, công chức cũng cần được xây dựng dựa trên nguyên tắc này.

*Thứ hai, do đa phần cán bộ, công chức đều là đảng viên*

Theo quy định của pháp luật hiện hành, cán bộ, công chức làm việc trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương, ở tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh), ở huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là cấp huyện). Ngoài ra, công chức còn làm việc trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân mà không phải là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng; trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân mà không phải là sĩ quan, hạ sĩ quan phục vụ theo chế độ chuyên nghiệp, công nhân công an<sup>4</sup>. Như vậy, đội ngũ cán bộ, công chức làm việc ở hầu khắp các cơ quan trong hệ thống chính trị của Việt Nam. Lực lượng này rất đông đảo, chỉ tính riêng công chức là 254.757 người<sup>5</sup>; trong đó phần lớn cán bộ, công chức đồng thời là đảng viên.

Từ năm 2018 đến năm 2020, thông qua công tác kiểm tra, giám sát, các cấp uỷ, tổ chức đảng và Ủy ban Kiểm tra các cấp đã phát hiện 98.330 đảng viên có khuyết điểm, vi phạm; đã xem xét, xử lý kỷ luật đối với 87.210 đảng viên (hình thức khiển trách 59.777 đảng viên, cảnh cáo 16.913 đảng viên, cách chức 2.576 đảng viên, khai trừ ra khỏi Đảng 7.944 đảng viên). Trong đó, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư kỷ luật 59 đảng viên; Ủy ban Kiểm tra Trung ương kỷ luật 169 đảng viên; tỉnh ủy, Ban Thường vụ tỉnh ủy và tương đương kỷ luật 739 đảng viên; Ủy ban Kiểm tra tỉnh ủy và tương đương kỷ luật 1.192 đảng viên;

<sup>4</sup> Khoản 1, khoản 2 Điều 4 Luật Cán bộ, công chức.

<sup>5</sup> Vụ Công chức - Viên chức cung cấp số liệu tính đến ngày 31/12/2022, <https://moha.gov.vn/so-lieu-thong-ke-nganh-noi-vu/linh-vuc-can-bo-cong-chuc-vien-chuc-nha-nuoc-d891-t55330.html>, truy cập ngày 19/4/2024.

huyện ủy, Ban Thường vụ huyện ủy và tương đương kỷ luật 6.816 đảng viên; đảng ủy cơ sở kỷ luật 23.775 đảng viên; Ủy ban Kiểm tra huyện ủy và tương đương kỷ luật 16.249 đảng viên<sup>6</sup>. Trong năm 2023<sup>7</sup>, cấp ủy, Ủy ban Kiểm tra các cấp đã thi hành kỷ luật hơn 24.160 đảng viên (tăng 12% về số đảng viên bị kỷ luật so với năm 2022). Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ủy ban Kiểm tra Trung ương đã thi hành kỷ luật 19 cán bộ diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý.

Chỉ tính riêng trong năm 2024<sup>8</sup>, Bộ Chính trị đã báo cáo Ban Chấp hành Trung ương quyết định cho thôi giữ chức vụ 11 trường hợp; Ban Bí thư quyết định cho thôi giữ chức vụ 3 trường hợp do có vi phạm, khuyết điểm trong thực hiện nhiệm vụ được giao. Cấp ủy các cấp kết luận 233 tổ chức đảng có vi phạm, phải thi hành kỷ luật 98 tổ chức đảng; có 1.934 đảng viên vi phạm, phải thi hành kỷ luật 1.326 đảng viên. Ủy ban Kiểm tra các cấp qua kiểm tra kết luận có 2.228 tổ chức đảng và 6.685 đảng viên có vi phạm; phải thi hành kỷ luật 262 tổ chức đảng và 2.716 đảng viên.

<sup>6</sup> Hoàng Huy Trung, *Những khó khăn, vướng mắc của cấp ủy và UBKT các cấp trong xử lý kỷ luật tổ chức đảng và đảng viên vi phạm*, 4/01/2022, <https://nghean.dcs.vn/vi-vn/tin/nhung-kho-khan--vu-ong-mac-cua-cap-uy-va-ubkt-cac-cap-trong-xu-ly-ky-luat-to-chuc-dang-va-dang-vien-vi-pham/937388-680409-999661#!>, truy cập ngày 28/4/2024.

<sup>7</sup> Hiền Hòa, *Năm 2023, kỷ luật 19 cán bộ diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý*, 01/02/2024, <https://dangcongsan.vn/xay-dung-dang/nam-2023-ky-luat-19-can-bo-dien-bo-chinh-tri-ban-bi-thu-quan-ly-658953.html>, truy cập ngày 28/4/2024.

<sup>8</sup> Nguyễn Hân, *Tổng kết công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng năm 2024, triển khai nhiệm vụ năm 2025*, 20/12/2024, <https://binhdinh.dcs.vn/chinh-tri/-/view-content/338606/tong-ket-cong-tac-kiem-tra-gi-am-sat-k-luat-cua-dang-nam-2024-trien-khai-nhiem-vu-nam-2025>, truy cập ngày 22/01/2025.

Những số liệu trên cho thấy, hiện nay tình hình đảng viên vi phạm tới mức phải xử lý kỷ luật không hề nhỏ. Trong khi điều kiện thực tế nước ta cho thấy, hiện nay Đảng Cộng sản Việt Nam là đảng cầm quyền, lãnh đạo công cuộc đổi mới đất nước nên đa phần cán bộ, công chức là đảng viên. Đặc biệt trong thời gian gần đây đối với những trường hợp đảng viên giữ chức vụ cao ở Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đề nghị các cơ quan chức năng thi hành kỷ luật hành chính kịp thời, đồng bộ với kỷ luật Đảng<sup>9</sup>. Chính vì vậy, việc đảm bảo sự tương thích giữa các quy định về kỷ luật đảng viên vi phạm và kỷ luật hành chính đối với cán bộ, công chức là cần thiết.

*Thứ ba, do yêu cầu thực tiễn từ việc áp dụng quy định pháp luật về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức*

Nguyên tắc khi tiến hành xử lý kỷ luật cán bộ, công chức đã xác định rõ: “Không áp dụng hình thức xử phạt hành chính hoặc hình thức kỷ luật đảng thay cho hình thức kỷ luật hành chính; xử lý kỷ luật hành chính không thay cho truy cứu trách nhiệm hình sự, nêu hành vi vi phạm đến mức bị xử lý hình sự”<sup>10</sup>. Tuy nhiên, thực tế phát sinh một số trường hợp cán bộ, công chức là đảng viên đã bị kỷ luật đảng nhưng khi xem xét xử lý kỷ luật hành chính thì các cơ quan kiến nghị không xử lý kỷ luật được do đã hết thời hiệu theo quy định của Luật Cán bộ, công chức. Hoặc trường hợp đảng viên là cán bộ, công chức đã bị xử lý kỷ luật của

<sup>9</sup> Hương Giang, *Bộ Chính trị kỷ luật cảnh cáo ông Vương Đình Huệ, chưa kỷ luật ông Võ Văn Thương*, 21/11/2024, <https://thanhtra.com.vn/doi-noi-52FA82FBF/bo-chinh-tri-ky-luat-can-cao-ong-vuong-dinh-hue-chua-ky-luat-ong-vo-van-thuong-e7689140f.htm>, truy cập ngày 23/01/2025.

<sup>10</sup> Khoản 5 Điều 2 Nghị định 112/2020/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 18/9/2020 về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức.

Đảng nhưng sau đó khi áp dụng hình thức xử lý kỷ luật hành chính thì không tương thích với hình thức xử lý kỷ luật của Đảng, tạo ra “độ vênh” nhất định mặc dù hành vi và mức độ nghiêm trọng của hành vi vi phạm được xác định như nhau.

Chính vì vậy, việc đảm bảo tính thống nhất trong xử lý kỷ luật đảng viên vi phạm và xử lý kỷ luật cán bộ, công chức là cần thiết, vừa đảm bảo thể chế hóa quan điểm, đường lối chính sách của Đảng để hoàn thiện quy định pháp luật về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức. Đồng thời, khi quy định pháp luật đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ, phù hợp với thực tiễn thì sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc áp dụng pháp luật trên thực tế.

## **2. Bảo đảm sự tương thích, đồng bộ trong quy định về nguyên tắc xử lý kỷ luật**

### **2.1. Sửa đổi, bổ sung quy định về tuân thủ đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền trong quá trình xử lý kỷ luật**

Khoản 1 Điều 2 Nghị định 112/2020/NĐ-CP chỉ quy định nguyên tắc khi xử lý kỷ luật đó là: “*Khách quan, công bằng, công khai, minh bạch, nghiêm minh, đúng pháp luật*”. Trong khi đó, khoản 1, khoản 2 Điều 2 Quy định 69 quy định rõ nguyên tắc xử lý kỷ luật đối với đảng viên vi phạm:

“1. *Tất cả tổ chức đảng và đảng viên bình đẳng trước kỷ luật của Đảng. Tổ chức đảng và đảng viên vi phạm chủ trương, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước đều phải xem xét thi hành kỷ luật công minh, chính xác, kịp thời.*

2. *Thi hành kỷ luật phải đúng nguyên tắc, quy trình, thủ tục và thẩm quyền theo quy định của Đảng*”.

Nếu so sánh hai quy định trên, chúng ta dễ nhận thấy rằng Quy định 69 xác định

nguyên tắc xử lý kỷ luật rõ ràng, đầy đủ hơn. Theo đó, nguyên tắc này nhấn mạnh “*đảng viên bình đẳng trước kỷ luật của Đảng*”, “*phải xem xét thi hành kỷ luật công minh, chính xác, kịp thời*” và “*thi hành kỷ luật phải đúng nguyên tắc, quy trình, thủ tục và thẩm quyền*”. Việc nhấn mạnh việc thi hành kỷ luật phải đúng “*quy trình, thủ tục và thẩm quyền*” là cần thiết bởi vì: *Một là*, mặc dù cán bộ, công chức có hành vi vi phạm đến mức phải bị xử lý kỷ luật, nhưng việc xử lý kỷ luật này phải được thực hiện đúng pháp luật, tránh tình trạng qua loa tạo ra những sai phạm không đáng có khi tiến hành xử lý kỷ luật, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của cán bộ, công chức bị kỷ luật; *hai là*, quy định này nâng cao trách nhiệm của chủ thể có thẩm quyền trong việc xử lý kỷ luật cán bộ, công chức thuộc phạm vi quản lý của mình. Xét về kỹ thuật lập pháp, việc quy định rõ ràng, cụ thể nguyên tắc xử lý kỷ luật như Quy định 69 thay vì chỉ nói chung là thực hiện “*đúng pháp luật*” như Nghị định 112/2020/NĐ-CP là phù hợp hơn, tạo điều kiện thuận lợi cho việc áp dụng các quy định về xử lý kỷ luật trên thực tế.

Chính vì vậy, khoản 1 Điều 2 Nghị định 112 sửa đổi đã điều chỉnh nguyên tắc này phù hợp hơn với nguyên tắc xử lý kỷ luật tại Quy định 69 trên, cụ thể: “*Bảo đảm khách quan, công bằng; công khai, nghiêm minh; chính xác, kịp thời; đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục*”. Theo nhóm tác giả, nguyên tắc này được sửa đổi, bổ sung như trên là hợp lý, đảm bảo thống nhất với nguyên tắc xử lý kỷ luật đảng viên và thực tiễn áp dụng.

### **2.2. Sửa đổi, bổ sung quy định về nguyên tắc xác định hình thức xử lý kỷ luật**

Trước đây, theo quy định tại Nghị định 112/2020/NĐ-CP, việc xác định hình thức xử lý kỷ luật trong trường hợp cùng một thời điểm mà cán bộ, công chức thực hiện

từ 02 hành vi vi phạm trở lên được thực hiện theo nguyên tắc sau: “Mỗi hành vi vi phạm chỉ bị xử lý một lần bằng một hình thức kỷ luật. Trong cùng một thời điểm xem xét xử lý kỷ luật, nếu cán bộ, công chức, viên chức có từ 02 hành vi vi phạm trở lên thì bị xử lý kỷ luật về từng hành vi vi phạm và áp dụng hình thức kỷ luật nặng hơn một mức so với hình thức kỷ luật áp dụng đối với hành vi vi phạm nặng nhất, trừ trường hợp bị xử lý kỷ luật bằng hình thức bãi nhiệm, buộc thôi việc; không tách riêng từng nội dung vi phạm của cán bộ, công chức, viên chức để xử lý kỷ luật nhiều lần với các hình thức kỷ luật khác nhau”.

Trong khi đó, theo Quy định 69, đảng viên vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật theo nguyên tắc sau: “Một hành vi vi phạm chỉ bị kỷ luật một lần bằng một hình thức kỷ luật. *Khi cùng một thời điểm xem xét kỷ luật nếu có từ hai hành vi vi phạm trở lên thì xem xét, kết luận từng hành vi vi phạm và quyết định chung bằng một hình thức kỷ luật cao nhất*; không tách riêng từng hành vi vi phạm để thi hành các hình thức kỷ luật khác nhau và kỷ luật nhiều lần” (khoản 4 Điều 2).

Như vậy, nếu xét theo nguyên tắc áp dụng trong hai trường hợp trên thì cán bộ, công chức vi phạm có thể bị xử lý kỷ luật hành chính nặng hơn so với hình thức xử lý kỷ luật của Đảng. Chính vì vậy, Nghị định 112 sửa đổi đã điều chỉnh quy định tại khoản 2 Điều 2 để thống nhất với nguyên tắc xử lý kỷ luật Đảng tại Quy định 69, cụ thể: “2. *Mỗi hành vi vi phạm chỉ bị xử lý một lần bằng một hình thức kỷ luật. Trong cùng một thời điểm xem xét xử lý kỷ luật, nếu cán bộ, công chức, viên chức có từ 02 hành vi vi phạm trở lên thì xem xét, kết luận về từng hành vi vi phạm và quyết định chung bằng một hình thức cao nhất tương ứng với hành vi vi phạm*”.

Ngoài ra, Nghị định 112 sửa đổi cũng làm rõ nguyên tắc hình thức kỷ luật hành chính phải bảo đảm tương xứng với kỷ luật về Đảng tại khoản 6 Điều 2. Theo đó trường hợp bị xử lý kỷ luật về Đảng bằng hình thức cao nhất thì cơ quan tham mưu về tổ chức, cán bộ báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý kỷ luật xem xét, quyết định xử lý kỷ luật hành chính bằng hình thức cao nhất nếu thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 13, Điều 14, Điều 19 Nghị định này. Nếu không thuộc một trong các trường hợp nêu trên thì báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định xử lý kỷ luật bằng hình thức cách chức đối với cán bộ, công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý; hạ bậc lương đối với công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý. Trường hợp còn có ý kiến khác nhau về việc xác định hình thức kỷ luật hành chính tương xứng với hình thức xử lý kỷ luật về Đảng cao nhất thì cấp có thẩm quyền quyết định việc thành lập Hội đồng xử lý kỷ luật để tham mưu; tham khảo ý kiến bằng văn bản của tổ chức Đảng ra quyết định xử lý kỷ luật đảng viên trước khi quyết định. Trường hợp có thay đổi về hình thức xử lý kỷ luật về Đảng thì phải thay đổi hình thức xử lý kỷ luật hành chính tương xứng. Thời gian đã thi hành quyết định xử lý kỷ luật cũ được trừ vào thời gian thi hành quyết định xử lý kỷ luật mới (nếu còn). Trường hợp cấp có thẩm quyền của Đảng quyết định xóa bỏ quyết định xử lý kỷ luật về đảng thì cấp có thẩm quyền xử lý kỷ luật hành chính phải ban hành quyết định hủy bỏ quyết định xử lý kỷ luật hành chính. Về quy định này, nhóm tác giả có một số ý kiến như sau:

*Thứ nhất*, theo quy định trên, trường hợp cán bộ, công chức đồng thời là đảng viên đã bị xử lý kỷ luật Đảng thì sẽ phải dựa vào hình thức xử lý kỷ luật đảng để quyết định hình thức kỷ luật nhà nước. Trong khi đó, pháp luật chỉ giải thích thế nào là tương

xứng đối với hình thức kỷ luật đảng cao nhất (tức khai trừ) mà không quy định với các hình thức kỷ luật khác như khiển trách, cảnh cáo, cách chức, hạ bậc lương, giáng chức nên thiếu cơ sở pháp lý để áp dụng pháp luật trên thực tế.

*Thứ hai*, Quy định 69 quy định về tình tiết giảm nhẹ mức kỷ luật (Điều 5) và tình tiết tăng nặng mức kỷ luật (Điều 6) khi xem xét xử lý kỷ luật đối với Đảng viên vi phạm nhưng Nghị định 112 sửa đổi lại không quy định cụ thể về vấn đề này khiến cho việc xử lý kỷ luật thiếu tính công bằng khi xem xét trách nhiệm kỷ luật giữa cán bộ, công chức là Đảng viên và cán bộ, công chức không phải là Đảng viên.

*Thứ ba*, quyết định xử lý kỷ luật Đảng không phải trong mọi trường hợp đều chính xác. Thế nhưng khoản 6 Điều 2 Nghị định 112/2020/NĐ-CP sửa đổi lại đặt ra yêu cầu khi có sự thay đổi về hình thức kỷ luật Đảng thì cũng phải thay đổi hình thức kỷ luật nhà nước... Trường hợp cấp có thẩm quyền của Đảng quyết định xóa bỏ quyết định xử lý kỷ luật đảng thì cấp có thẩm quyền xử lý kỷ luật hành chính cũng phải ban hành quyết định hủy bỏ quyết định xử lý kỷ luật hành chính. Điều này, vô hình trung, khiến cho kỷ luật nhà nước trở nên bị động và dường như đang có sự lẫn lộn giữa kỷ luật Đảng - trách nhiệm chính trị với kỷ luật nhà nước - trách nhiệm pháp lý.

*Thứ tư*, điều luật trên chỉ quy định trường hợp có thay đổi về hình thức xử lý kỷ luật về đảng thì phải thay đổi hình thức xử lý kỷ luật hành chính tương xứng. Thời gian đã thi hành quyết định xử lý kỷ luật cũ được trừ vào thời gian thi hành quyết định xử lý kỷ luật mới (nếu còn). Tuy nhiên, hiện nay chưa có quy định nào dự liệu để giải quyết trường hợp nếu thời gian thi hành quyết định xử lý kỷ luật cũ đã hết thì việc

thi hành quyết định xử lý kỷ luật mới như thế nào. Điều này có thể gây bất lợi cho người bị xử lý kỷ luật, thậm chí không đảm bảo nguyên tắc xử lý kỷ luật một lần<sup>11</sup>.

*Thứ năm*, cán bộ, công chức bị xử lý kỷ luật về Đảng thì trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày công bố quyết định kỷ luật về Đảng, cơ quan, tổ chức, đơn vị phải thực hiện quy trình xử lý kỷ luật hành chính. Quy định này, xét trong tương quan với thủ tục xử lý kỷ luật nhà nước thì đã vô hiệu hóa các quy định về thời hạn xử lý kỷ luật<sup>12</sup>.

*Thứ sáu*, pháp luật hiện hành quy định “trường hợp đã có quyết định kỷ luật về Đảng thì hiệu lực của quyết định xử lý kỷ luật hành chính tính từ ngày quyết định kỷ luật về Đảng có hiệu lực”<sup>13</sup>. Thêm vào đó, quy trình xử lý kỷ luật hành chính được tiến hành trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày có quyết định kỷ luật Đảng, thì quyết định kỷ luật hành chính không thể ban hành đồng thời với quyết định kỷ luật Đảng được. Dưới góc độ khoa học pháp lý, việc xác định hiệu lực này chưa phù hợp.

Vì vậy, nhóm tác giả có một số kiến nghị như sau:

*Một là*, vẫn duy trì nguyên tắc hình thức kỷ luật nhà nước tương xứng với hình thức kỷ luật Đảng nhưng nên đảm bảo tính chủ động, độc lập của chủ thể có thẩm quyền

<sup>11</sup> Trần Thị Thu Hà, *Tính chính trị và tính khoa học trong các quy định pháp luật về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức ở Việt Nam hiện nay*, Kỷ yếu Hội thảo Pháp luật về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức ở Việt Nam hiện nay do Khoa Luật Hành chính – Nhà nước, Trường Đại học Luật Tp. Hồ Chí Minh tổ chức tháng 6/2025, tr.7.

<sup>12</sup> Nguyễn Thị Thiện Trí, Đặng Tất Dũng, *Bất cập của nguyên tắc xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức*, Kỷ yếu Hội thảo Pháp luật về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức ở Việt Nam hiện nay do Khoa Luật Hành chính – Nhà nước, Trường Đại học Luật Tp. Hồ Chí Minh tổ chức tháng 6/2025, tr.19.

<sup>13</sup> Khoản 9 Điều 2 Nghị định 112 sửa đổi.

trong việc xem xét xử lý kỷ luật cán bộ, công chức. Bên cạnh đó, Nghị định 112 sửa đổi cần tiếp tục sửa đổi để xác định nguyên tắc tổng hợp hình thức kỷ luật trong trường hợp cán bộ, công chức có từ hai hành vi vi phạm trở lên được xem xét, xử lý cùng một thời điểm theo hướng cho phép người có thẩm quyền chủ động quyết định hình thức kỷ luật cao nhất nhưng phải thể hiện được sự nghiêm minh<sup>14</sup>. Bên cạnh đó, nhóm tác giả cũng đề xuất bỏ hai hình thức xử lý kỷ luật “Giáng chức” đối với công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý và hình thức xử lý kỷ luật “Hạ bậc lương” đối với công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý. Hiện nay, Dự thảo Luật Cán bộ, công chức năm 2025<sup>15</sup> cũng sửa đổi theo hướng này, cụ thể: Khoản 1 Điều 37 Dự thảo chỉ quy định 05 hình thức kỷ luật áp dụng đối với công chức, đó là: (1) Khiển trách; (2) Cảnh cáo; (3) Cách chức; (4) Buộc thôi việc; (5) Xoá tư cách chức vụ, chức danh đã đảm nhiệm. Như vậy, với quy định trong Dự thảo trên, không còn sự phân biệt các hình thức xử lý kỷ luật giữa công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý và công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý. Việc bỏ hai hình thức kỷ luật trên là phù hợp vì: (1) Tạo sự thống nhất, đồng bộ với các quy định về hình thức xử lý kỷ luật Đảng quy định tại Quy định 69, Quy định 296-QĐ/TW và các văn bản hướng dẫn của Đảng; (2) Đảm bảo thực hiện nguyên tắc hình thức kỷ luật hành chính phải bảo đảm tương xứng với kỷ luật về Đảng tại khoản 6 Điều 2 Nghị định 112 sửa đổi; (3) Tạo sự thống nhất, đồng bộ với quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số

<sup>14</sup> Trần Thị Thu Hà, tldd.

<sup>15</sup> Báo điện tử Chính phủ, Xây dựng chính sách, pháp luật, Toàn văn: *Dự thảo Luật Cán bộ, công chức (sửa đổi)*, <https://xaydungchinhsach.chinhphu.vn/toan-van-du-thao-luat-can-bo-cong-chuc-sua-doi-11925032>, truy cập ngày 05/4/2025.

154/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025 của Chính phủ quy định về tinh giản biên chế đối với cán bộ, công chức, viên chức không hoàn thành nhiệm vụ.

*Hai là*, Nghị định 112 sửa đổi cần bổ sung thêm quy định về tình tiết giảm nhẹ mức kỷ luật và tình tiết tăng nặng mức kỷ luật để đồng bộ với Quy định 69.

*Ba là*, Nghị định 112 sửa đổi nên bổ sung quy định trường hợp hết thời hạn kỷ luật thì không ra quyết định xử lý kỷ luật để tăng cường trách nhiệm của người có thẩm quyền trong việc xử lý kỷ luật cán bộ, công chức thuộc quyền sau khi đã phát hiện ra vi phạm của họ. Bên cạnh đó, cần bổ sung thêm quy định cụ thể về việc thi hành quyết định xử lý kỷ luật.

*Bốn là*, bỏ nội dung quy định: “*Trường hợp đã có quyết định kỷ luật về đảng thì hiệu lực của quyết định xử lý kỷ luật hành chính tính từ ngày quyết định kỷ luật về đảng có hiệu lực*” tại khoản 9 Điều 2 Nghị định 112 sửa đổi, bởi việc xác định thời điểm có hiệu lực của quyết định xử lý kỷ luật phải được quy định trong chính văn bản đó.

### **3. Bảo đảm sự tương thích, đồng bộ trong quy định về thời hiệu xử lý kỷ luật**

#### ***Thứ nhất, về việc xác định thời hiệu***

Điều 4 Quy định 69 nêu rõ thời hiệu kỷ luật đảng viên vi phạm như sau: 5 năm (60 tháng) đối với vi phạm đến mức phải áp dụng hình thức khiển trách; 10 năm (120 tháng) đối với vi phạm đến mức phải áp dụng hình thức cảnh cáo hoặc cách chức. Không áp dụng thời hiệu kỷ luật đối với vi phạm đến mức phải áp dụng hình thức khai trừ; vi phạm chính trị nội bộ; vi phạm quốc phòng, an ninh, đối ngoại có xâm hại đến lợi ích quốc gia, dân tộc; việc sử dụng văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận không hợp pháp.

Trong khi đó, theo quy định tại Điều 80 Luật Cán bộ, công chức thì thời hiệu được

xác định như sau: 02 năm đối với hành vi vi phạm ít nghiêm trọng đến mức phải kỷ luật bằng hình thức khiển trách; 05 năm đối với hành vi vi phạm không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này. Đối với các hành vi vi phạm sau đây thì không áp dụng thời hiệu xử lý kỷ luật: (i) Cán bộ, công chức là đảng viên có hành vi vi phạm đến mức phải kỷ luật bằng hình thức khai trừ; (ii) Có hành vi vi phạm quy định về công tác bảo vệ chính trị nội bộ; (iii) Có hành vi xâm hại đến lợi ích quốc gia trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh, đối ngoại; (iv) Sử dụng văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận, xác nhận giả hoặc không hợp pháp. Quy định về thời hiệu này cũng tiếp tục được ghi nhận tại Nghị định 112.

Như vậy, đánh giá quy định về thời hiệu ở hai văn bản nêu trên, chúng ta đều nhận thấy quy định về thời hiệu trong Quy định 69 là phù hợp hơn. Thực tiễn xử lý kỷ luật cho thấy, một số trường hợp đã bị kỷ luật đảng nhưng khi xem xét xử lý kỷ luật hành chính thì các cơ quan kiến nghị không xử lý kỷ luật do đã hết thời hiệu theo quy định của Luật<sup>16</sup>. Điều này làm ảnh hưởng đến việc thực hiện nghiêm quy định “kỷ luật đảng không thay thế kỷ luật hành chính, kỷ luật đoàn thể; trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày công bố quyết định kỷ luật về Đảng, phải kỷ luật về hành chính, đoàn thể (nếu có) theo quy định của cơ quan nhà nước, đoàn thể” (khoản 10 Điều 2 Quy định 69) và chủ trương xử lý kỷ luật “không có vùng cấm, không có ngoại lệ, bắt kể người đó là ai” của Đảng trong thời gian qua.

Chính vì vậy, ngày 15/11/2022, Quốc hội đã thông qua Nghị quyết số 76/2022/QH15

<sup>16</sup> Minh Hùng, Phạm Thắng, *Trình Quốc hội Dự thảo Nghị quyết về thời hiệu xử lý kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức*, 21/10/2022, <https://quochoi.vn/tintuc/Pages/tin-hoat-dong-cua-quoc-hoi.aspx?ItemID=69639>, truy cập ngày 20/4/2024.

tại Kỳ họp thứ 4, Quốc hội khóa XV điều chỉnh về thời hiệu xử lý kỷ luật và nội dung này đã được Chính phủ sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 5 Nghị định 112 sửa đổi. Theo đó, trừ trường hợp không áp dụng thời hiệu xử lý kỷ luật quy định tại khoản 4 Điều 5 thì thời hiệu xử lý kỷ luật được quy định như sau: 05 năm đối với hành vi vi phạm ít nghiêm trọng đến mức phải kỷ luật bằng hình thức khiển trách; 10 năm đối với hành vi vi phạm không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này. Việc điều chỉnh tăng thời hiệu xử lý kỷ luật như trên là hợp lý bởi thực tế cho thấy việc phát hiện hành vi vi phạm để xử lý đôi khi cần một khoảng thời gian rất dài do cán bộ, công chức vi phạm cố tình che giấu vi phạm một cách tinh vi. Vì vậy, việc tăng thời hiệu góp phần nâng cao trách nhiệm của chủ thể có thẩm quyền trong việc phát hiện và kịp thời xử lý các hành vi vi phạm, tránh bỏ sót vi phạm không xử lý được do thời hiệu quá ngắn như trước đây<sup>17</sup>.

Tuy nhiên, theo ý kiến nhóm tác giả, việc sử dụng hình thức văn bản quy phạm pháp luật là Nghị quyết để sửa đổi Điều 80 Luật Cán bộ, công chức chưa thực sự phù hợp với quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020). Bởi vì mặc dù Quốc hội được ban hành cả luật, nghị quyết nhưng nội dung hai văn bản này là khác nhau<sup>18</sup> nên nếu muốn thay đổi nội dung các quy phạm của luật thì cần phải ban hành luật để sửa

<sup>17</sup> Tờ trình số 3631/TTr-UBND của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ngày 14/8/2018 về kiến nghị điều chỉnh thời hiệu xử lý kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức.

<sup>18</sup> Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020).

đổi, bổ sung<sup>19</sup>. Hiện nay, nội dung quy định về thời hiệu giữa Nghị định 71/2023/NĐ-CP và Điều 80 Luật Cán bộ, công chức đang có sự mâu thuẫn nhau và nếu xem xét về nguyên tắc áp dụng pháp luật<sup>20</sup> thì vô hình trung vẫn tồn tại sự mâu thuẫn khi chúng ta lại “ưu tiên” áp dụng nghị định thay vì áp dụng luật – văn bản có giá trị pháp lý cao hơn. Chính vì vậy, theo ý kiến nhóm tác giả, mặc dù quy định về tăng thời hiệu xử lý kỷ luật là cần thiết nhưng xét về kỹ thuật lập pháp sẽ phù hợp hơn nếu Quốc hội thực hiện việc sửa đổi Luật Cán bộ, công chức, sau đó mới ban hành Nghị định 71/2023/NĐ-CP để sửa đổi Nghị định 112/2020/NĐ-CP.

***Thứ hai, về việc xác định hành vi vi phạm về chính trị nội bộ không áp dụng thời hiệu xử lý kỷ luật***

Điểm a khoản 2 Điều 4 Quy định 69 nêu rõ trường hợp không áp dụng thời hiệu kỷ luật đối với vi phạm về chính trị nội bộ và Điều 25 Quy định 69 có quy định các hành vi vi phạm quan điểm chính trị và chính trị nội bộ đến mức Đảng viên phải bị xử lý kỷ luật. Nội dung này tiếp tục được giải thích cụ thể hơn tại Hướng dẫn số 05 đó là Đảng viên: (1) Không chấp hành các nguyên tắc tổ chức của Đảng; sa sút ý chí phấn đấu, không gương mẫu trong sinh hoạt, công tác; né tránh, đùn đẩy trách nhiệm, thiếu trách nhiệm; làm việc kém hiệu quả, không hoàn thành chức trách, nhiệm vụ được giao; (2) Vi phạm những vấn đề liên quan đến tiêu chuẩn chính trị theo quy định về bảo vệ chính trị nội bộ Đảng.

<sup>19</sup> Khoản 1 Điều 12 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020).

<sup>20</sup> Khoản 2 Điều 156 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020).

Trong khi đó, điểm b khoản 4 Điều 5 Nghị định 112/2020/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 71/2023/NĐ-CP) xác định đối với hành vi vi phạm quy định về công tác bảo vệ chính trị nội bộ thì không áp dụng thời hiệu xử lý kỷ luật. Tuy nhiên, hiện nay chưa có văn bản quy phạm pháp luật nào quy định cụ thể các hành vi vi phạm quy định về công tác bảo vệ chính trị nội bộ nên thực tiễn xử lý kỷ luật buộc phải dẫn chiếu sang các quy định của Đảng như đã phân tích. Thế nhưng, thực tế cho thấy có nhiều cán bộ, công chức không phải là Đảng viên nhưng họ vẫn có thể thực hiện hành vi vi phạm quy định về công tác bảo vệ chính trị nội bộ mà chúng ta không thể sử dụng trực tiếp quy định của Đảng để xử lý hành vi vi phạm của họ. Do đó, nhóm tác giả cho rằng Nghị định 112 sửa đổi cần tiếp tục được sửa đổi, bổ sung trong đó quy định rõ các hành vi vi phạm quy định về công tác bảo vệ chính trị nội bộ trên cơ sở đảm bảo tính đồng bộ với Quy định 69 để có cơ sở xử lý kỷ luật trên thực tế.

**4. Kết luận**

Đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ trong xử lý kỷ luật đảng viên vi phạm và xử lý kỷ luật cán bộ, công chức không chỉ có ý nghĩa quan trọng trong việc thể chế hóa từ chính sách thành quy định pháp luật mà còn góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức. Tuy nhiên, chỉ nên đồng bộ hóa các quy định xử lý kỷ luật đảng và xử lý kỷ luật hành chính trên những vấn đề cơ bản, có tính nguyên tắc chứ không nên “sao chép” một cách máy móc, để tránh đánh đồng trách nhiệm chính trị và trách nhiệm pháp lý. Bởi chỉ khi quy định về xử lý kỷ luật chính xác, phù hợp thì mới là cơ sở để tạo điều kiện cho việc áp dụng pháp luật thuận lợi trên thực tế.